

# Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020





# Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

## Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Kiểm toán

Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

## Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm :

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Chủ Quý Dương	Chủ tịch
Ông Trần Minh Quang	Thành viên
Ông Hoàng Thế Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên

  

<u>Ban Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Minh Quang	Tổng Giám đốc

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

## Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Minh Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2021

# Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số 20-11-197

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**  
**Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton (“Công ty”), lập vào ngày 15 tháng 8 năm 2021, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 21.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)**



**Nguyễn Hồng Hà**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 1710-2018-068-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2021

**Trần Anh Văn**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 3109-2020-068-1  
Kiểm toán viên

# Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>		100	<b>129.848.943.353</b>	126.720.971.232
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	8.991.050.537	4.279.368.443
Tiền		111	8.991.050.537	4.279.368.443
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		130	<b>109.659.154.507</b>	117.725.661.288
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	131	40.895.995.826	26.709.304.364
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	132	1.242.293.933	7.818.247.348
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	135	15.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	9	133	52.520.864.748	83.198.109.576
<b>Hàng tồn kho</b>		140	<b>9.694.666.581</b>	4.048.557.995
Hàng tồn kho	10	141	9.694.666.581	4.048.557.995
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		150	<b>1.504.071.728</b>	667.383.506
Chi phí trả trước ngắn hạn		151	8.193.859	106.227.065
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	1.291.769.903	544.192.881
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		153	204.107.966	16.963.560
<b>Tài sản dài hạn</b>		200	<b>9.597.414.092</b>	803.460.695
<b>Tài sản cố định</b>		220	<b>1.661.761.861</b>	411.874.549
Tài sản cố định hữu hình	11	221	1.661.761.861	411.874.549
- Nguyên giá		222	2.082.578.182	656.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(420.816.321)	(244.745.451)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		250	<b>7.660.000.000</b>	-
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	12.1	252	4.660.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.2	255	3.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>		260	<b>275.652.231</b>	391.586.146
Chi phí trả trước dài hạn		261	275.652.231	391.586.146
<b>Tổng tài sản</b>		270	<b>139.446.357.445</b>	127.524.431.927

# Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>Nợ phải trả</b>		300	<b>38.429.075.641</b>	26.670.551.203
<b>Nợ ngắn hạn</b>		310	<b>38.429.075.641</b>	26.670.551.203
Phải trả người bán ngắn hạn	13	311	11.956.142.003	11.646.403.451
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	312	1.809.230.378	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	313	762.210.210	278.884.387
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	-	144.000.000
Phải trả ngắn hạn khác		319	51.970	15.004.379
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	320	23.901.441.080	14.586.258.986
<b>Vốn chủ sở hữu</b>		400	<b>101.017.281.804</b>	100.853.880.724
<b>Vốn chủ sở hữu</b>		410	<b>101.017.281.804</b>	100.853.880.724
Vốn cổ phần	17, 18	411	100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17	421	1.017.281.804	853.880.724
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	853.880.724	113.767.133
- LNST chưa phân phối năm nay		421b	163.401.080	740.113.591
<b>Tổng nguồn vốn</b>		440	<b>139.446.357.445</b>	127.524.431.927



Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2021

**Trần Minh Quang**  
Tổng Giám đốc

**Lê Thị Hồng Nhung**  
Kế toán trưởng

**Hà Kiều Anh**  
Người lập



# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	01	131.217.873.040	100.130.185.337
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	(303.900)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		10	<b>131.217.873.040</b>	<b>100.129.881.437</b>
Giá vốn hàng bán	21, 25	11	(118.480.315.836)	(92.989.367.177)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		20	<b>12.737.557.204</b>	<b>7.140.514.260</b>
Doanh thu hoạt động tài chính		21	200.721.857	8.571.839
Chi phí tài chính	22	22	(1.293.791.281)	(1.437.805.691)
- Trong đó: chi phí lãi vay		23	(1.272.675.861)	(1.154.076.516)
Chi phí bán hàng	23, 25	25	(3.096.627.399)	(3.041.376.426)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	26	(2.621.943.608)	(1.383.221.487)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		30	<b>5.925.916.773</b>	<b>1.286.682.495</b>
Thu nhập khác		31	228.199.964	82.851.675
Chi phí khác		32	(116.242.017)	(411.397.711)
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) khác</b>		40	<b>111.957.947</b>	<b>(328.546.036)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		50	<b>6.037.874.720</b>	<b>958.136.459</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	51	(874.473.640)	(218.022.868)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	52	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		60	<b>5.163.401.080</b>	<b>740.113.591</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	19	70	<b>516</b>	<b>145</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2021



**Trần Minh Quang**  
Tổng Giám đốc

  
**Lê Thị Hồng Nhung**  
Kế toán trưởng

  
**Hà Kiều Anh**  
Người lập

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế		01	6.037.874.720	958.136.459
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định		02	176.070.870	131.324.004
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(200.721.857)	(1.716.290)
Chi phí lãi vay		06	1.272.675.861	1.154.076.516
<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		09	<b>7.285.899.594</b>	<b>2.241.820.689</b>
Thay đổi các khoản phải thu		10	22.328.008.498	(88.862.802.810)
Thay đổi hàng tồn kho		11	(5.646.108.586)	2.674.733.129
Thay đổi các khoản phải trả		12	1.960.016.521	(295.451.082)
Thay đổi chi phí trả trước		13	213.967.121	(303.121.385)
Tiền lãi vay đã trả		15	(1.272.675.861)	(1.154.076.516)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		16	(391.147.817)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		20	<b>24.477.959.470</b>	<b>(85.698.897.975)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		21	(1.425.958.182)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	(18.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	(4.660.000.000)	-
Thu lãi tiền gửi		27	4.498.712	1.716.290
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		30	<b>(24.081.459.470)</b>	<b>1.716.290</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		31	-	90.000.000.000
Tiền thu từ đi vay		33	52.556.526.572	34.321.417.060
Tiền chi trả nợ gốc vay		34	(43.241.344.478)	(34.476.588.451)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(5.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		40	<b>4.315.182.094</b>	<b>89.844.828.609</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		50	<b>4.711.682.094</b>	<b>4.147.646.924</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	5	60	<b>4.279.368.443</b>	<b>131.721.519</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	5	70	<b>8.991.050.537</b>	<b>4.279.368.443</b>



Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2021

Trần Minh Quang  
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

Hà Kiều Anh  
Người lập

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## 1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton, trước đây là “Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton”, (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107621151 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2016 và các lần sửa đổi sau đó.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 100 tỷ VNĐ, chia thành 10.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ bảy đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp từ “Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Soundton” thành “Công ty Cổ phần Công nghiệp Soundton”.

Ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất lần thứ tám đăng ký thay đổi thông tin doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại L06-03, Khu A, Khu đô thị Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp, gia công, chế tạo và cung cấp thiết bị thay thế cho các nhà máy lọc dầu, nhiệt điện, xi măng, v.v.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 15 nhân viên (31 tháng 12 năm 2019: 6 nhân viên).

Công ty có khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu	
			2020	2019
Công ty TNHH Công nghiệp AC	Tầng 2, 431A Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	30%	-

## 2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

### 2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam (“VNĐ”).

## 3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

## 4. Chính sách kế toán áp dụng

### 4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

#### Dự phòng giảm giá khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được trích lập theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp do BTC ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho khoản đầu tư nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư vào bị lỗ trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

### 4.5 Các khoản phải thu

#### Phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v..) có thể xảy ra đối hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên

bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### 4.7 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

#### 4.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

##### Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

##### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định.

#### 4.9 Chi phí trả trước

##### Công cụ dụng cụ

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai (2) đến ba (3) năm.

#### 4.10 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa hóa đơn.

#### 4.11 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 4.12 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

#### 4.13 Lợi ích nhân viên

##### Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Ngoài nghĩa vụ nêu trên, Công ty không còn nghĩa vụ nào khác phải trả các khoản trợ cấp cho nhân viên khi nghỉ hưu.

##### Bảo hiểm thất nghiệp

Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam và văn bản gần nhất, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

#### 4.14 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn cổ phần

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

##### Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

#### 4.15 Cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

#### 4.16 Doanh thu

##### Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

##### Doanh thu dịch vụ

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận dựa trên biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công việc. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

##### Lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

#### 4.17 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

#### 4.18 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 4.19 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con, các công ty liên kết và các công ty có chung nhân viên chủ chốt với Công ty.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

#### 4.20 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính riêng của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

#### Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

#### 4.21 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế. Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

#### 4.22 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

#### 4.23 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

## 5. Tiền

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	463.904.025	460.885.084
Tiền gửi ngân hàng	8.527.146.512	3.818.483.359
	<b>8.991.050.537</b>	<b>4.279.368.443</b>

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	3.796.812.334	57.756.819
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Dịch vụ Kỹ thuật Việt	11.841.058.594	-
Công ty TNHH Truyền thông và Giải pháp Công nghệ Việt VTN	9.595.498.501	-
Công ty TNHH Lọc dầu Nghi Sơn	3.961.508.020	18.269.546.703
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn – Chi nhánh Tổng công ty Phát điện 1	4.051.146.435	6.072.154.521
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải – Chi nhánh Tổng công ty Phát điện 1	7.353.941.122	-
Các khách hàng khác	296.030.820	2.309.846.321
	<b>40.895.995.826</b>	<b>26.709.304.364</b>

## 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư Xây dựng Minh Dương	-	2.017.831.824
Công ty TNHH Truyền thông và Giải pháp Công nghệ Việt VTN	-	3.869.913.198
Công ty TNHH Kỹ thương HC	1.062.087.070	1.062.087.070
Các nhà cung cấp khác	180.206.863	868.415.256
	<b>1.242.293.933</b>	<b>7.818.247.348</b>

## 8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh 27)	15.000.000.000	-

Khoản cho vay ngắn hạn ông Chủ Quý Dương, chủ tịch HĐQT, theo hợp đồng cho vay số 001/2020/HĐ-CNVCL ngày 1 tháng 12 năm 2020, với lãi suất 6,1%/năm, có thời hạn 13 tháng.

## 9. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Tạm ứng cho bên liên quan (Thuyết minh 27)	49.358.862.909	83.139.429.576
Lãi cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh 27)	76.250.000	-
Khác	3.085.751.839	58.680.000
	<b>52.520.864.748</b>	<b>83.198.109.576</b>



## 10. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Chi phí sản xuất dự án dở dang	<b>9.694.666.581</b>	4.048.557.995
<i>Chi tiết theo dự án:</i>		
- Dự án với Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	2.327.975.927
- Dự án với Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn – Chi nhánh Tổng công ty phát điện 1	-	475.605.416
- Dự án với Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ Dịch vụ Kỹ Thuật Việt	-	1.104.295.516
- Dự án với Công ty Nhiệt điện Thái Bình	<b>2.154.828.440</b>	-
- Dự án với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Bình Phát	<b>2.141.231.365</b>	-
- Dự án với Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Song Kim	<b>5.205.984.776</b>	-
- Các dự án khác	<b>192.622.000</b>	140.681.136
	<b>9.694.666.581</b>	4.048.557.995

## 11. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
1 tháng 1 năm 2020	-	656.620.000	<b>656.620.000</b>
Tăng trong năm	38.000.000	1.387.958.182	<b>1.425.958.182</b>
31 tháng 12 năm 2020	38.000.000	2.044.578.182	<b>2.082.578.182</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1 tháng 1 năm 2020	-	(244.745.451)	<b>(244.745.451)</b>
Khấu hao trong năm	(1.034.444)	(175.036.426)	<b>(176.070.870)</b>
31 tháng 12 năm 2020	(1.034.444)	(419.781.877)	<b>(420.816.321)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
1 tháng 1 năm 2020	-	411.874.549	<b>411.874.549</b>
31 tháng 12 năm 2020	36.965.556	968.176.305	<b>1.661.761.861</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 106 triệu VNĐ được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (31 tháng 12 năm 2019: 151 triệu VNĐ) (Thuyết minh 16).

## 12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

### 12.1 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty có các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc VNĐ	% sở hữu VNĐ	Giá gốc VNĐ	% sở hữu VNĐ
Công ty TNHH Công nghiệp AC	<b>4.660.000.000</b>	<b>30%</b>	-	-

Công ty TNHH Công nghệ AC (“Công ty AC”), trước đây là Công ty TNHH Công nghệ ABC, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314541137, ngày 27 tháng 7 năm 2017 với vốn điều lệ đăng ký là 30 tỷ VNĐ, trong đó Công ty đăng ký góp vốn là 9 tỷ VNĐ, tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty AC là lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Công ty AC có trụ sở đặt tại Tầng 2, 431A Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty không trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này không được niêm yết và không có thông tin tương đương trên thị trường.

## 12.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	<b>3.000.000.000</b>	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong bằng VNĐ với kỳ hạn 24 tháng và lãi suất khoảng 6,1%/năm. Hợp đồng tiền gửi này được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh 16).

## 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ Dịch vụ Kỹ Thuật Việt	<b>1.358.085.429</b>	1.358.085.429
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Song Kim	<b>6.469.576.776</b>	5.642.812.776
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Bình Phát	<b>2.090.995.215</b>	2.090.995.215
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tấn Đạt	<b>1.285.183.100</b>	-
Các nhà cung cấp khác	<b>752.301.483</b>	2.554.510.031
	<b>11.956.142.003</b>	11.646.403.451

## 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	<b>679.024.000</b>	-
Công ty TNHH Công nghệ mới ASG	<b>355.920.000</b>	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	<b>565.240.159</b>	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	<b>209.046.219</b>	-
	<b>1.809.230.378</b>	-

## 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2020		Trong năm		31 tháng 12 năm 2019	
	Số phải thu VNĐ	Số phải nộp VNĐ	Số đã phát sinh VNĐ	Số đã nộp VNĐ	Số phải thu VNĐ	Số phải nộp VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	<b>(204.107.966)</b>	-	12.523.173.663	(12.710.318.069)	(16.963.560)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	47.563.554	(47.563.554)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	<b>762.210.210</b>	874.473.640	(391.147.817)	-	278.884.387
Thuế, phí khác	-	-	13.530.000	(13.530.000)	-	-
	<b>(204.107.966)</b>	<b>762.210.210</b>	13.458.740.857	(13.162.559.440)	(16.963.560)	278.884.387

## 16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2020		Trong năm		31 tháng 12 năm 2019	
	Số dư VNĐ	Có khả năng trả nợ VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Số dư VNĐ	Có khả năng trả nợ VNĐ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") (i)	<b>5.838.048.266</b>	<b>5.838.048.266</b>	12.559.483.654	(21.307.694.374)	14.586.258.986	14.586.258.986
Ngân hàng TMCP Tiên Phong ("TPB") (ii)	<b>16.563.392.814</b>	<b>16.563.392.814</b>	36.384.926.758	(19.821.533.944)	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ("MSB") (iii)	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	3.612.116.160	(2.112.116.160)	-	-
	<b>23.901.441.080</b>	<b>23.901.441.080</b>	52.556.526.572	(43.241.344.478)	14.586.258.986	14.586.258.986

Chi tiết các khoản vay như sau:

Khoản vay	Hợp đồng vay	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
BIDV (i)	01/2019/91884 42/HĐTD	50 tỷ VNĐ	6 tháng kể từ ngày giải ngân	7,5%/ năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 686970, số vào sổ cấp GCN: CS 34796 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 14 tháng 8 năm 2019 của ông Trần Minh Quang, Tổng Giám đốc, cổ đông của Công ty.  Xe ô tô BMW X4 mang biển kiểm soát 30F-478.88 của Công ty.  Xe ô tô Vinfast Lux SA mang biển kiểm soát 30G-527.38 của Công ty.
TPB (ii)	163/2019/HDT D/TDO/10	35 tỷ VNĐ	6 tháng từ ngày giải ngân	6,5%/ 7%/năm	Bất động sản tại địa chỉ số 5, ngõ 66, đường số 2, tổ 97, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận số BU 626113 của bà Chu Thị Vân Anh, bên liên quan với ông Chủ Quý Dương, cổ đông của Công ty.  Bất động sản tại địa chỉ số 12B, gác 145/49, phố Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận số CQ 610173 của ông Trần Minh Quang, cổ đông Công ty.  Hợp đồng tiền gửi số HĐTG/1305/039/0762115100A ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Công ty.
MSB (iii)	0705- ST/2020/HĐTD	28,4 tỷ VNĐ	6 tháng kể từ ngày giải ngân	9,07%/ năm	Căn hộ chung cư số 724, nhà R1-72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội của bà Châu Thị Minh Nguyệt, người nhà của ông Hoàng Thế Đức, cổ đông Công ty.

## 17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2019	10.000.000.000	113.767.133	10.113.767.133
Góp vốn	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	740.113.591	740.113.591
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2019	100.000.000.000	853.880.724	100.853.880.724
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2020	100.000.000.000	853.880.724	100.853.880.724
Lợi nhuận thuần trong năm	-	5.163.401.080	5.163.401.080
Chia cổ tức (i)	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2020	100.000.000.000	1.017.281.804	101.017.281.804

(i) Công ty chia cổ tức tương ứng theo tỷ lệ vốn góp theo Biên bản họp Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## 18. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 100 tỷ VNĐ, chia thành 10.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Các cổ phần phổ thông có quyền nhận cổ tức và quyền biểu quyết như nhau tại các cuộc họp cổ đông.

**Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu:**

Tại ngày 31 tháng 12, chi tiết vốn góp của chủ sở hữu được trình bày như sau:

Cổ đông	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	VNĐ	% Sở hữu	VNĐ	% Sở hữu
Trần Minh Quang	27.500.000.000	27,5%	27.500.000.000	27,5%
Chữ Quý Dương	27.500.000.000	27,5%	27.500.000.000	27,5%
Nguyễn Thị Bạch Tuyết	15.000.000.000	15,0%	15.000.000.000	15,0%
Trần Thanh Tùng	15.000.000.000	15,0%	15.000.000.000	15,0%
Hoàng Thế Đức	15.000.000.000	15,0%	15.000.000.000	15,0%
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu phát hành:**

	31 tháng 12 năm 2020		31 tháng 12 năm 2019	
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000

**19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	5.163.401.080	740.113.591
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm (cổ phiếu)	10.000.000	5.113.929
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	516	145

**20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng hóa	43.508.566.205	20.254.153.899
Doanh thu thực hiện các gói thầu	87.709.306.835	79.876.031.438
	<b>131.217.873.040</b>	<b>100.130.185.337</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan (Thuyết minh 27)</i>	-	8.569.873.199
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba</i>	<b>131.217.873.040</b>	<b>91.560.312.138</b>
	<b>131.217.873.040</b>	<b>100.130.185.337</b>

**21. Giá vốn hàng bán**

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn bán hàng hóa	39.390.775.706	20.155.782.769
Giá vốn cung cấp dịch vụ bao gồm nguyên vật liệu	79.089.540.130	72.833.584.408
	<b>118.480.315.836</b>	<b>92.989.367.177</b>

## 22. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	1.272.675.861	1.154.076.516
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.115.420	283.729.175
	<b>1.293.791.281</b>	<b>1.437.805.691</b>

## 23. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	694.582.000	262.925.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	122.098.814	578.063.780
Chi phí khấu hao	175.036.426	86.400.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.655.995.201	1.920.282.473
Chi phí bằng tiền khác	448.914.958	193.705.173
	<b>3.096.627.399</b>	<b>3.041.376.426</b>

## 24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	642.183.273	439.199.103
Chi phí công cụ, dụng cụ	137.258.576	99.931.862
Chi phí khấu hao	1.034.444	44.924.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.231.389.840	689.000.061
Chi phí bằng tiền khác	610.077.475	110.166.457
	<b>2.621.943.608</b>	<b>1.383.221.487</b>

## 25. Chi phí hoạt động kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	118.480.315.836	92.989.367.177
Chi phí nhân viên	1.336.765.273	702.124.103
Chi phí công cụ, dụng cụ	259.357.390	677.995.642
Chi phí khấu hao	176.070.870	131.324.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.872.806.391	2.609.282.534
Chi phí bằng tiền khác	1.058.992.433	303.871.630
	<b>124.184.308.193</b>	<b>97.413.965.090</b>

## 26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất TNDN chung. Theo Luật thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, mức thuế suất TNDN chung là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	VNĐ	VNĐ
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.037.874.720</b>	950.936.459
<i>Các khoản điều chỉnh cho:</i>		
Chi phí không được trừ	208.365.564	552.144.360
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>6.246.240.284</b>	1.503.080.819
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành</b>	<b>1.249.248.057</b>	218.022.868
Giảm trừ thuế TNDN (*)	(374.774.417)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>874.473.640</b>	218.022.868

(\*) Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tính thuế 2020 sẽ được giảm 30% đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VNĐ.

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể.

## 27. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
			VNĐ	VNĐ
Trần Minh Quang	Tổng Giám đốc	Tạm ứng (i)	27.000.000.000	20.000.000.000
		Góp vốn	-	24.750.000.000
		Chi trả cổ tức	1.375.000.000	-
Chữ Quý Dương	Chủ tịch	Tạm ứng (ii)	-	66.000.000.000
		Góp vốn	-	24.750.000.000
		Cho vay ngắn hạn	15.000.000.000	-
		Lãi cho vay ngắn hạn	76.250.000	-
		Chi trả cổ tức	1.375.000.000	-
Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Cổ đông	Góp vốn	-	13.500.000.000
		Chi trả cổ tức	750.000.000	-
Trần Thanh Tùng	Cổ đông	Góp vốn	-	13.500.000.000
		Chi trả cổ tức	750.000.000	-
Hoàng Thế Đức	Cổ đông	Góp vốn	-	13.500.000.000
		Chi trả cổ tức	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dân dụng và Công nghiệp			-	6.681.812.499
Công ty TNHH Clink Việt Nam			-	1.888.060.700

Tại ngày 31 tháng 12, số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Diễn giải	31 tháng 12 năm 2020	31 tháng 12 năm 2019
			VNĐ	VNĐ
Trần Minh Quang	Tổng Giám đốc	Tạm ứng (Thuyết minh 9) (i)	44.139.429.576	17.139.429.576
Chữ Quý Dương	Chủ tịch	Tạm ứng (Thuyết minh 9) (ii)	5.219.433.333	66.000.000.000
		Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8)	15.000.000.000	-
		Phải thu khác (Thuyết minh 9)	76.250.000	-

- (i) Trong năm 2018, 2019 và 2020, Công ty đã tạm ứng cho ông Trần Minh Quang, Tổng Giám đốc, để thực hiện các giao dịch đặt cọc và thương thảo hợp đồng của Công ty với các đối tác. Các lần tạm ứng đã được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty. Số dư tạm ứng được hoàn ứng theo tiến độ công việc. Tại ngày phát hành báo cáo này, toàn bộ khoản tạm ứng 44,1 tỷ VNĐ đã được hoàn ứng.
- (ii) Trong năm 2019, Công ty đã tạm ứng cho ông Chủ Quý Dương, Chủ tịch, để thực hiện các Thỏa thuận Hợp tác Kinh doanh tiềm năng. Các lần tạm ứng đã được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty. Tuy nhiên, theo Biên bản Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh và thu hồi khoản tiền tạm ứng từ. Tại ngày của báo cáo này, Công ty đã thu hồi lại toàn bộ số tiền đã góp trị giá 66 tỷ VNĐ.

#### Bảo lãnh khoản vay

Như trình bày tại Thuyết minh 16 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản vay ngân hàng của Công ty được bảo lãnh bằng các tài sản của các cá nhân là bên liên quan của Công ty.

### 28. Thù lao của Ban giám đốc

Trong năm, thù lao nhận được của thành viên Ban Giám đốc như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Lương và các khoản lợi ích khác	110.760.000	110.785.955

### 29. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày.

### 30. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.



Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2021  
**Trần Minh Quang**  
Tổng Giám đốc

**Lê Thị Hồng Nhung**  
Kế toán trưởng

**Hà Kiều Anh**  
Người lập







---

[grantthornton.com.vn](http://grantthornton.com.vn)

© 2022 Grant Thornton (Vietnam) Limited. All rights reserved.

'Grant Thornton' refers to the brand under which the Grant Thornton member firms provide assurance, tax and advisory services to their clients and/or refers to one or more member firms, as the context requires.

Grant Thornton Vietnam is a member firm of Grant Thornton International Ltd (GTIL). GTIL and the member firms are not a worldwide partnership. GTIL and each member firm is a separate legal entity. Services are delivered by the member firms. GTIL does not provide services to clients.

GTIL and its member firms are not agents of, and do not obligate, one another and are not liable for one another's acts or omissions.